

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG DKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>502 399</b>	<b>88 963</b>	<b>413 436</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>67 357</b>	<b>15 226</b>	<b>52 132</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>30 750</b>	<b>15 226</b>	<b>15 525</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/5	311/5		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	28 950	13 820	15 130	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2	V TRACO	21/5	1288/5	28/5	HP 6328	CỤC XỔ 1C	1 800	1 405	395	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN LI
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<b>36 607</b>		<b>36 607</b>			
1	ĐẠM NINH BÌNH	18/5	332/5	31/5	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045		3 045		HỘ LỚN	
2	KDT HẢI PHÒNG	09/5	1236/5	19/5	BN 2638	CÁM 6A.1	1 923		1 923		PTCB	
3	KDT BẮC TRUNG BỘ	15/5	1307/5	25/5	NB 6619	CÁM 4B.1	1 389		1 389		PTCB	
4	KDT HẢI PHÒNG	16/5	1316/5	26/5	HP 6863	CÁM 5A.1	2 310		2 310		PTCB	
5	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 5A.1	14 800		14 800		PTCB	
6	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 6A.1	5 200		5 200		PTCB	
7	TNV HẢI DƯƠNG	14/5	1289/5	21/5	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
8	DV VT QUẢNG NINH	14/5	1290/5	21/5	BN 2518	CỤC XỔ 1C	1 600		1 600		TD	
9	VTA	20/5	1329/5	27/5	HP 6093	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	
10	VTT	21/5	1330/5	28/5	HD 2225	CỤC XỔ 1C	940		940		TD	
11	CẦU ĐUỐNG	21/5	1332/5	28/5	BN 3040	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	
12	HÀNG HẢI VN	21/5	1331/5	28/5	NB 8707	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
	<b>Tàu chuyển tải</b>						<b>249 650</b>	<b>42 359</b>	<b>207 291</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>99 650</b>	<b>42 359</b>	<b>57 291</b>			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/5	305/5		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 5A.10	25 600	18 279	7 321	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 15.600 - KVDB:10.000
2	ĐIỆN VŨNG ÁNG	14/5	317/5		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 5A.14	23 300	11 830	11 470	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 15.300
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/5	323/5		HTK CONFIDENCE	CÁM 6A.1	27 200	8 450	18 750	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 22.000 - KVCP: 5.200
4	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/5	327-B/5		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 550	3 800	19 750	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 12.500 - KVCP: 3.050
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<b>150 000</b>		<b>150 000</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	319/5		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 200		46 200		HỘ LỚN	TTCO: 25.200 - TTHG: 21.000
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	318/5		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700		20 700		HỘ LỚN	TTHG: 16.000 - KVCP: 4.700
3	ĐIỆN VŨNG ÁNG	18/5	329/5		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	TTCO: 10.200 - CLM: 16.000
4	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	21/5	336/5		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 500		27 500		HỘ LỚN	TTCO: 15.500 - CLM: 7.000 - KDTCP: 5.000
5	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/5	335/5		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.1	29 400		29 400		HỘ LỚN	TTHG: 10.000 - KVCP: 19.400

PHÒNG DKSX

NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
<b>II</b>	<b>KHO G9-HÓA CHẤT</b>						<b>17 172</b>	<b>2 080</b>	<b>15 092</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>2 100</i>	<i>2 080</i>	<i>20</i>			
1	ĐT TM &DV	16/5	1020/4	23/5	BN 0869	CỤC 1B	1 100	1 085	15	21/5	TD	NGUỒN ĐN-CS
2	CẦU ĐUÔNG	20/5	1327/5	27/5	HN 2187	CỤC 1B	1 000	995	5	21/5	TD	NGUỒN TN
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>15 072</i>		<i>15 072</i>			
1	THAN MIỀN NAM	19/5	1073/4	26/5	THANH TÙNG 01	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	XNK THAN	19/5	1078/4	26/5	BN 2519	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	DV VT QUẢNG NINH	18/5	1132/4	25/5	BN 0937	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	THAN ƯƠNG BÍ	16/5	1176/4	23/5	BN 1883	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	CROMIT THANH HÓA	19/5	1177/4	26/5	NB 8530	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	XDCN MỎ	19/5	1179/4	26/5	BN 0719	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	CẦU ĐUÔNG	20/5	1328/5	27/5	BN 2228	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	SÔNG HỒNG	21/5	1334/5	28/5	BN 1816	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN CS
9	CROMIT	15/5	1308/5	22/5	BN 1386	DON 8C	1 100		1 100		TD	NGUỒN HL
10	MV YANGZE 901	20/5	2 534		QN 8698	TNK ÚC	3 372		3 372		CHUYÊN VÙNG	
11	MV YANGZE 901	20/5	2 534		CỬA ỒNG 16	TNK ÚC	2 100		2 100		CHUYÊN VÙNG	
<b>III</b>	<b>KHO BẢO NGUYỄN</b>						<b>4 770</b>	<b>-</b>	<b>4 770</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>4 770</i>		<i>4 770</i>			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	18/5	331/5	31/5	2 TĐ 115	CÁM 5B.14	2 390		2 390		HỘ LỚN	
2	ĐIỆN PHẢ LẠI	21/5	333/5	31/5	TĐ 01-CHN	CÁM 5A.14	2 380		2 380		HỘ LỚN	
<b>IV</b>	<b>KHO CẢNG KM6</b>						<b>8 450</b>	<b>4 168</b>	<b>4 282</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>4 250</i>	<i>4 168</i>	<i>82</i>			
1	NHÓM LẮM ĐỒNG	19/5	1 324	29/5	HOÀNG ANH 668	CÁM 5A.1	2 400	2 391	9	21/5	BAUXIT	
2	NHÓM LẮM ĐỒNG	19/5	1 324	29/5	HOÀNG ANH 668	CỤC 4A.2	1 850	1 777	73	21/5	BAUXIT	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>4 200</i>		<i>4 200</i>			
1	COALIMEX	21/5	1 333	31/5	HOÀNG ANH 36	CÁM 5B.1	3 050		3 050		PTCB	
2	DV VT QUẢNG NINH	15/5	1 310	22/5	HP 5097	DON 8A	1 150		1 150		TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>						<b>82 000</b>	<b>24 830</b>	<b>57 170</b>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						5 500	5 500			
1	HÀN QUỐC	05/5	39/5/XK		MV AKIMOTO	CUC 4A.3	5 500	5 500		22/5	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						58 000	19 330	38 670		
1	SINGAPORE	13/5	43/5/XK		MV HUA ZHENG HAI YANG V.26032	CUC 5B.2	25 000	19 330	5 670	RÓT DỖ	THAY 37/5/XK
2	NHẬT BẢN	20/5	46/5/XK		MV CLIPPER MEDWAY	CÁM 1	33 000		33 000		
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						18 500		18 500		
1	NHẬT BẢN	14/5	44/5/XK		MV JIN ZE	CUC 4A.1	500		500		
2	INDONESIA	16/5	45/5/XK		MV HUAN YA 1	CUC 5B.2	18 000		18 000		
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>		<b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b>				<b>73 000</b>	<b>300</b>	<b>72 700</b>		
	<i>Tàu đã làm hàng</i>										
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						30 000	300	29 700		
1	ÚC		TMB		MV YANGZE 901		30 000	300	29 700	BỐC DỖ	TTCO: 15.000 - KVCP: 15.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						43 000		43 000		
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		5 000		5 000		TTCO: 5.000
2	ÚC		TMB		MV YUE DIAN 83		10 000		10 000		TTCO: 10.000
3	MOZAMBIQUE		CLM		MV XIAO MAY		10 000		10 000		KVCP: 10.000
4	LÀO		TMB		VTA POSEIDON		8 000		8 000		TTCO: 5.000 - KVCP: 3.000
5	ÚC		CLM		AQUAGEM		10 000		10 000		KVCP: 10.000